

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 7 - 2026

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tâm

2. Bà Hoàng Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng - Thư ký viên Tòa án nhân dân
vực 5 - Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân vực 5 - Tuyên
Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2026/TLST-HNGĐ ngày 07
tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa các
đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị C; sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn B, xã T,
tỉnh Tuyên Quang; Căn cước công dân số 002193001164; do Cục Cảnh sát quản
lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C2 cấp ngày 23/4/2021; vắng mặt, (Có đơn
xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bàn Văn D; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh
Tuyên Quang; Căn cước công dân số 002090011708; do Cục Cảnh sát quản
lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C2 cấp ngày 02/02/2023; (vắng mặt lần 2,
không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, đơn xin xét xử
vắng mặt, nguyên đơn là chị Bàn Thị C trình bày: Chị và anh Bàn Văn D có được
tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2008, đến năm 2009
chị và anh Bàn Văn D có cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến
tháng 4/2009 chị sinh con tên là Bàn Quang H, chị khẳng định con Bàn Quang H
là con chung của chị với anh Bàn Văn D. Đến ngày 27/11/2017 chị và anh Bàn
Văn D tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên
Quang, (trước đây là xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang). Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2021, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, không bao ban được nhau, anh D đã nhiều lần đánh đập chị C. Vợ chồng cùng gia đình hai bên nội và ngoại đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng chị và anh D nhưng không có kết quả. Đến nay chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh D. Vợ chồng chung sống có một con chung tên là Bàn Quang H, sinh ngày 02/4/2009. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Bàn Quang H. Khi ly hôn, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con Bàn Quang H, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bàn Văn D, đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản khác của Tòa án nhân dân vực 5 - Tuyên Quang theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh D không nộp cho Tòa án văn bản nào về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không nộp cho Tòa án được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào. Anh D cũng không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện thôn Bản Cườm, Công an xã T và Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang nơi anh Bàn Văn D cư trú cho biết: Chị C và anh D có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2017, tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang (trước khi hợp nhất xã, tỉnh là Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang), sau khi kết hôn chị C và anh D cùng làm ăn, sinh sống tại thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống anh D và chị C đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách của vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến hai vợ chồng xảy ra xô xát, cãi và đánh nhau. Mâu thuẫn giữa anh D và chị C đã được hai bên gia đình và thôn Bản C1 hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn giữa anh D và chị C ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh D và chị C có một con chung tên là Bàn Quang H, sinh ngày 02/4/2009. Anh D không có mặt tại địa phương, Công an xã không xác định được anh D đi đâu, làm gì, anh D không đăng ký tạm trú tại địa phương nào khác, anh D không khai báo tạm vắng tại Công an xã T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị C xử cho chị Bàn Thị C ly hôn anh Bàn Văn D; Về việc nuôi con chung: Giao cháu Bàn Quang H cho chị Bàn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập xem xét; Về án phí: Chị Bàn Thị

C phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000035, ngày 07 tháng 01 năm 2026, bị đơn là anh Bàn Văn D không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do chị Bàn Thị C có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2026/QH15 của Quốc Hội. Bị đơn anh Bàn Văn D có nơi cư trú tại thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án thông qua trưởng thôn là anh Đặng Văn N, anh Bàn Văn D nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Bàn Văn D vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị Bàn Thị C yêu cầu ly hôn. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Bàn Văn D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bàn Văn D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị C và anh Bàn Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2017, tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang (trước khi hợp nhất xã, tỉnh là Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang) nên hôn nhân giữa chị Bàn Thị C và anh Bàn Văn D là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2021, chị C và anh D bất đồng quan điểm sống sâu sắc từ năm 2021 đến nay (khoảng 5 năm), đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không thành công. Điều này chứng minh mâu thuẫn đã lên đến đỉnh điểm và không thể hàn gắn. Anh D có hành vi đánh đập chị C nhiều lần, hành vi của anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe của thành viên gia đình và là lý do để Tòa án giải quyết cho ly hôn nhằm bảo vệ chị C. Mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung đã thực tế chấm dứt về mặt tình cảm, hai bên không còn tôn trọng, yêu thương và giúp đỡ nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị C.

[5] Về việc nuôi con chung: Nguyên đơn là chị C xác định trong quá trình chung sống, chị và anh Bàn Văn D có 01 con chung tên là Bàn Quang H, sinh ngày 02/4/2009. Mặc dù cháu Hiếu sinh ra trước thời điểm hai bên đăng ký kết hôn là ngày 27/11/2017, nhưng căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh, họ tên cha là Bàn Văn D, mẹ là Bàn Thị C, chị C và anh D không có văn bản tranh chấp hay phản đối. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định cháu Bàn Quang H là con chung hợp pháp của chị C và anh D theo quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về quyền giao người trực tiếp nuôi con: Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (năm 2026), cháu Bàn Quang H đã trên 17 tuổi. Cháu đã có đầy đủ năng lực nhận thức, khả năng tự phục vụ bản thân và chuẩn bị bước vào tuổi trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Bàn Quang H đã tự nguyện viết, thể hiện nguyện vọng rõ ràng và thiết tha là muốn được sống chung và do mẹ là chị C trực tiếp nuôi dưỡng sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy từ trước đến nay cháu H vẫn đang sống ổn định cùng mẹ. Nguyện vọng của cháu H hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với lợi ích mọi mặt của trẻ. Để bảo đảm sự phát triển toàn diện, không làm xáo trộn cuộc sống cận kề tuổi trưởng thành của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C và nguyện vọng của cháu H; giao cháu Bàn Quang H cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh Bàn Văn D có đầy đủ quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bàn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[7] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Bàn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2026/QH15 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố cho chị Bàn Thị C được ly hôn anh Bàn Văn D.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Bàn Quang H, sinh ngày 02/4/2009 cho chị Bàn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho đến khi cháu Bàn Quang H đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh Bàn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị C, anh D có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu số: 0000035, ngày 07/01/2026.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THA Dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang;
(nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Mạnh Cường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Thọ Nguyễn Thị Mai Hương

Hà Mạnh Cường

